

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-PT

Ngày 01/9/2020

*“V/v Tranh chấp hôn nhân và
gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các thẩm phán: - Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Ông Ong Thân Thắng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2020/TLPT-HNGĐ ngày 24/6/2020, về việc “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”.

Do bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo và kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐ-PT ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/QĐ-PT ngày 24/8/2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị Ngô Thị N, sinh năm 1978. (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V, huyện H, tỉnh B.

* Bị đơn: Anh Tạ Tuấn Ph, sinh năm 1976 (Tên khác Tạ Văn Ph) (Có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, huyện H, tỉnh B.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Hoàng Thị Bích Loan, Văn luật sư Hoàng Loan, Đoàn luật sư tỉnh B (Có mặt).

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Văn Trường, Công ty TNHH luật Công Minh, Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Tạ Văn Ph1, sinh năm 1951. (Vắng mặt)

2. Bà Ngô Thị Ngh, sinh năm 1957. (Có mặt)

3. Chị Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/2002. (Vắng mặt).

4. Anh Tạ Trọng L, sinh năm 2005. (Vắng mặt).

Cùng nơi cư trú: Thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, huyện H, tỉnh B.

5. Chị Tạ Thị Thu Ng1, sinh năm 1998 (Vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn Quế Sơn, xã Thái Sơn, huyện H, tỉnh B.

* *Người kháng cáo*: Anh Tạ Tuấn Ph- là bị đơn.

* *Kháng nghị*: Quyết định số 10/QĐKNPT-VKS-DS ngày 29/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Ngô Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày*: Chị Ngô Thị N và anh Tạ Tuấn Ph (Tên khác là Tạ Văn Ph) tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1997 tại Ủy ban nhân dân xã Hoàng V, huyện H. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau ngay, thời gian đầu chung sống hạnh phúc sau đó đến khoảng giữa năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn do anh Ph quan hệ ngoại tình; không quan tâm gia đình, chăm sóc con và hay đánh đuổi chị N. Khi vợ chồng mâu thuẫn đã hòa giải nhưng không thành, vợ chồng đã ly thân từ giữa năm 2018 đến nay. Từ khi ly thân vợ chồng không quan tâm, bỏ mặc nhau sống thế nào thì sống. Nay chị N thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục chung sống được nên yêu cầu ly hôn anh Ph.

Con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Tạ Thị Thu Ng1, sinh năm 1998, Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/2002 và Tạ Trọng L, sinh ngày 07/6/2005, hiện đang sinh sống với chị N. Chị N yêu cầu nuôi dưỡng 2 con Ngọc và Lộc. Tại phiên tòa chị N yêu cầu nuôi dưỡng con chung Ngọc, giao anh Ph nuôi dưỡng Tạ Trọng L do hiện nay cháu L đã về sinh sống với anh Ph để tiện đi học; chị N không yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị N, anh Ph có tài sản chung gồm: Quyền sử dụng thửa đất ở tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, huyện H mua của ông Sê, bà Cảnh năm 2011, năm 2012 tân tạo thêm và bố mẹ anh Ph tặng cho thêm, tổng diện tích khoảng 400m², tài sản gắn liền đất là nhà 3 tầng. Quyền sử dụng đất ở thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V diện tích 96,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ anh Ph, chị N và tài sản gắn liền đất gồm 01 nhà cấp 4 nguồn gốc đất do vợ chồng mua; 01 xe ô tô mua năm 2016 đến năm 2018 thì anh Ph bán được 420.000.000 đồng do anh Ph giữ riêng. Ngoài ra, năm 2018 chị N còn chơi phờng tổng cộng 180.000.000 đồng đã lấy tiền nhưng chi dùng vào việc nuôi các con chung là Ngọc và Lộc ăn học và chi tiêu đám cưới, mua của hồi môn cho con chung Tạ Thị Thu Ng1 năm 2019. Về công sức đóng góp vào tài sản chung:

Sau khi kết hôn, chị N và anh Ph cùng lao động làm nghề giò chả, ngoài ra làm thêm ruộng nên công sức như nhau. Từ khi mua đất ở thôn Liễu Ngạn thì chị N sinh sống cùng 03 con chung, anh Ph ở thôn Vạn Thạch nhưng vợ chồng vẫn tiếp tục làm và buôn bán giò chả. Nay chị N đề nghị chia số tài sản chung trên và yêu cầu được giao quyền sử dụng đất, nhà ở thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V để tiếp tục sinh sống, buôn bán; giao anh Ph sử dụng nhà đất ở thôn Vạn Thạch, tiền bán xe ô tô. Tuy nhiên, khi tính công sức đóng góp thì đề nghị xem xét ưu tiên đối với chị N do chị N là phụ nữ phải tạo dựng lại cuộc sống và phải nuôi dưỡng cháu Ngăn học sắp vào đại học. Các tài sản khác không yêu cầu giải quyết.

Nợ và các vấn đề khác: Về các khoản nợ anh Ph trình bày tại phiên tòa ngày 17/ 02/ 2020 là không đúng sự thực do chị N không vay, không có chứng cứ nên chị không chấp nhận và không yêu cầu giải quyết. Các vấn đề khác chị không yêu cầu giải quyết.

Về tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị N tự nguyện chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản ngày 19/12/2019.

** Bị đơn là anh Tạ Tuấn Ph tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/ 2019, tại phiên tòa ngày 17/02/2020 trình bày:* Về điều kiện kết hôn như chị N trình bày là đúng sự thực, nhưng về mâu thuẫn dẫn đến việc vợ chồng ly thân là do chị N tự ý ly thân mặc dù anh Ph vẫn muốn đoàn tụ vợ chồng. Tuy nhiên, chị N kiên quyết yêu cầu ly hôn thì anh Ph đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Tạ Thị Thu Ng1, sinh năm 1998, Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/ 2002 và Tạ Trọng L, sinh ngày 07/6/2005, hiện cháu Lđang sinh sống với anh Ph. Anh Ph yêu cầu nuôi dưỡng 2 con Ngọc và Lộc, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

- Tài sản chung: Các tài sản là quyền sử dụng 02 thửa đất ở thôn Vạn Thạch (Nguồn gốc đất do bố mẹ anh Ph là ông Ph1, bà Ngh tặng cho. Sau đó, anh Ph mua thêm 240m² đất ruộng năm 2011 của ông Sê, bà Cảnh. Năm 2012 anh Ph làm nhà trên đất nêu trên. Khi làm nhà thì ông Ph1, bà Ngh góp 28.000.000 đồng làm nhà). Thửa đất tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V và nhà gắn liền đất, 01 ô tô đều là tài sản riêng của anh Ph, do xe ô tô anh Ph mua năm 2016 trị giá 600.000.000 đồng để đi lại hằng ngày và kinh doanh vận tải khách. Chiếc xe trên anh đã bán tháng 4 năm 2018 giá 520.000.000 đồng. Nguồn tiền mua xe, đất và nhà ở thôn Liễu Ngạn, thôn Vạn Thạch là tài sản riêng của anh Ph do vợ chồng đã kinh doanh riêng từ năm 2008 đến nay. Mặc dù, vợ chồng cùng làm, buôn bán giò chả nhưng tự lập về kinh tế, lợi nhuận ai thu người đó quản lý. Trong thời kỳ hôn nhân thì chị N phụ trách việc gia đình nhỏ còn anh Ph phụ trách việc lớn của gia đình, vợ chồng tự làm chứ không có thỏa thuận gì. Nội thất trong nhà do anh Ph mua. Từ khi kết hôn, anh Ph và chị N làm nghề giò chả, làm thêm ruộng. Ngoài ra, không kinh doanh gì khác.

Tại phiên tòa ngày 17/02/2020, anh Ph và người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho anh Ph là Luật sư Trần Văn Trường trình bày: Xe ô tô anh Ph mua năm 2016 trị giá 600.000.000 đồng đã bán được 420.000.000 đồng, quyền sử dụng đất tại

thôn Vạn Thạch và thôn Liễu Ngạn là tài sản chung vợ chồng. Tuy nhiên, nhà 2 tầng ở thôn Vạn Thạch do anh Ph làm hết 560.000.000đồng bằng tiền riêng, còn tiền làm nhà thôn Liễu Ngạn phải đi vay tổng cộng 250.000.000đồng. Chị N còn lấy tiền chơi phường tổng cộng 180.000.000 đồng và sử dụng riêng nên đề nghị chia tài sản chung bao gồm cả tiền phường trên. Mức độ chia tài sản chung theo công sức đóng góp của mỗi người.

Về nợ: Vợ chồng anh nợ anh H, chị Ng2 200.000.000đồng xây nhà; tiền đã trả bố mẹ, anh ruột chị N. Anh Ph yêu cầu giải quyết chia đôi số tiền nợ.

Các vấn đề khác: Không yêu cầu giải quyết.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn Ph1, bà Ngô Thị Ngh tại biên bản ghi lời khai ngày 11/11/2019 trình bày:* Nguồn gốc thửa đất ở thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V do anh Ph mua đất ruộng năm 2011, năm 2012 làm nhà trên đất thì ông Ph1, bà Ngh góp 28.000.000đồng nhưng ông bà không yêu cầu gì vì ông bà xác định sinh sống với anh Ph.

- Các cháu Tạ Thị Thu Ng1, Tạ Thị Ngọc, Tạ Trọng L tại bản tự khai đều trình bày: Cháu Ng1, cháu Ngọc, cháu L không có công sức đóng góp gì vào tài sản chung của bố mẹ; cháu Ng và cháu L có nguyện vọng được sinh sống với chị N.

- Ngày 19/12/2019, Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự huyện H đã tiến hành thẩm định, định giá tài sản gồm: quyền sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, nhà gắn liền đất và quyền sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V, huyện Hiệp Hoà. Do anh Ph và chị N yêu cầu định giá lại và định giá bổ sung nên ngày 09/3/2020, Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự huyện H đã tiến hành định giá lại và định giá bổ sung tài sản gồm: Quyền sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V trị giá 1.800.000đồng/m²=648.360.000đồng; 01 nhà 03 tầng trị giá 275.000.000 đồng. Tổng cộng: 923.360.000 đồng.

Quyền sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn xã Hoàng V trị giá 1.500.000.000 đồng; 01 nhà cấp 4, khung sắt lợp tôn trị giá 210.000.000 đồng. Tổng cộng: 1.710.000.000 đồng.

Với nội dung trên Bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H đã xử:

1. Áp dụng các Điều 33, khoản 2- Điều 59; Điều 51, điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 - Luật hôn nhân gia đình; các điều 147; Điều 228, Điều 271 và Điều 273- Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 và 27-Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14, ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thị N:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị N được ly hôn anh Tạ Tuấn Ph (Tạ Văn Ph).

Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/2002; giao anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Trọng L, sinh ngày 07/6/2005. Anh Ph, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5, Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Ph, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.2. Tài sản chung: Xác định quyền sử dụng thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² và tài sản gắn liền là nhà 3 tầng tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V và thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V và tài sản gắn liền là nhà cấp 4 lợp tôn; tiền bán xe ô tô 420.000.000đồng, tiền phường 180.000.000 đồng là tài sản chung của anh Ph, chị N.

- Giao anh Ph quyền sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² và nhà gắn liền đất tại thôn Vạn Thạch (Ký hiệu thửa đất là A1A2A3A4A5A6A7A8, trong đó cạnh A1A2 giáp đường liên xã dài 15,63m; cạnh A2A3A4 dài 28,92m + 5,74m; cạnh A4A5A6 dài 7,32m + 5,18m + 0,08m; cạnh A6A7 dài 5,59m; cạnh A7A8A1 dài 5,43m + 6,26m + 2,93m + 2,33m + 4,53m + 3,14m + 2,1m + 2,26m + 2,48m) và 420.000.000 đồng tiền bán xe ô tô, tổng trị giá 1.343.360.000 đồng.

- Giao chị N quyền sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 384030 ngày 02/8/2017 mang tên hộ ông Tạ Tuấn Ph, bà Ngô Thị N và tài sản gắn liền với đất là nhà cấp 4 khung sắt lợp tôn tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V (Có đặc điểm sơ đồ như tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên) trị giá 1.710.000.000đồng và 180.000.000 đồng tiền phường, nhưng phải trích chia tài sản chung cho anh Ph là 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng).

3. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị N tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản ngày 19/12/2019 nên không xem xét. Anh Ph phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá ngày 09/3/2020. Do anh Ph đã nộp 2.000.000 đồng tạm ứng chi phí định giá nên trả lại anh Ph 1.000.000 đồng.

4. Án phí sơ thẩm: Chị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 59.700.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 24.750.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2017/ 0000077, ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị N còn phải chịu 35.250.000đồng (Ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Ph phải chịu 61.300.000đồng (Sáu mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 20/4/2020 anh Tạ Tuấn Ph là bị đơn kháng cáo. Nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H tuyên chưa đúng với bản chất của vụ

án, gây thiệt hại cho anh. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 29/4/2020, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có quyết định kháng nghị số 10/QĐKNPT-VKS-DS. Nội dung kháng nghị: Kháng nghị một phần bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh B giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm, xử: Sửa phần giải quyết về tài sản của Bản án sơ thẩm số 08/2020/HNGĐ-ST ngày 30/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện H.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn là chị Ngô Thị N không rút đơn khởi kiện, bị đơn là anh Tạ Tuấn Ph không rút đơn kháng cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B không rút kháng nghị. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Bị đơn là anh Tạ Tuấn Ph và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Ph thống nhất trình bày: Anh không đồng ý với nội dung của Bản án sơ thẩm vì thửa đất số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V nguồn gốc là tiền riêng của anh do anh đi vay, vợ anh không có đóng góp gì vì trong thời gian này vợ chồng anh sống ly thân. Thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V trên đất có ngôi nhà 03 tầng là tài sản do mình anh bỏ tiền ra mua và một phần thửa đất có nguồn gốc là của bố mẹ anh chưa cho ai, Tòa án đã mang cả phần đất nông nghiệp của bố mẹ anh ra chia. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H xác định toàn bộ thửa đất 346 do vợ chồng anh mua là không đúng, không đảm bảo quyền lợi của anh Ph. Đối với phần đất tại thôn Vạn Thạch thì anh Ph, chị N chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở vì vẫn còn nợ số tiền thuế. Đến thời điểm này chưa xác định được phần diện tích đất của ông Ph1, bà Ngh là bao nhiêu và ở đâu, Tòa án cấp sơ thẩm chưa hỏi ông Ph1, bà Ngh về nội dung này. Vì theo hợp đồng nhận chuyển nhượng chỉ có 213m², phần còn lại của thửa đất là phải của ông Ph1, bà Ngh. Ủy ban nhân dân huyện H cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phương 278,7m² nhưng chưa hề thu hồi đất của ông Ph1, bà Ngh là trái quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử ngừng phiên tòa để thu thập chứng cứ về quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện và làm rõ việc ông Ph1, bà Ngh đã cho đất vợ chồng Năm, Phương hay chưa để đảm bảo tính khách quan của vụ án. Có căn cứ đề nghị hủy án sơ thẩm vì Tòa án cấp sơ thẩm đưa ra xét xử vụ án trong thời gian có lệnh giãn cách xã hội của Chính phủ và không làm rõ lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ph1, bà Ngh.

- Chị Ngô Thị N và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị N thống nhất trình bày: Chị không đồng ý với kháng cáo của anh Ph. Quyền sử dụng đất tại thôn Vạn Thạch và thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V là tài sản chung của vợ chồng chị trong thời kỳ hôn nhân, không phải là tài sản riêng của anh Ph như anh Ph trình bày. Các khoản nợ anh Ph trình bày là không đúng sự thực do chị không vay. Chị không đồng ý việc đề nghị ngừng phiên tòa. Vì việc ông Ph1, bà Ngh cho vợ chồng

anh chị một phần đất sau đó anh chị mua thêm và xây nhà trên đất, ông Ph1, bà Ngh đều đồng ý nên đủ điều kiện để áp dụng Án lệ 03/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tạ Tuấn Ph đã được thu thập là trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng nên không cần phải hỏi quan điểm của Ủy ban nhân dân huyện H trong trường hợp này. Đối với yêu cầu hủy án sơ thẩm vì lý do dịch covid nên bị đơn, người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn không tham dự được phiên tòa sơ thẩm, lý do này của phía bị đơn không chính đáng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét ưu tiên cho chị N được hưởng số phần tài sản nhiều hơn so với anh Ph vì chị N là phụ nữ, cần phải tạo lập lại cuộc sống, xây dựng nhà trên thửa đất được chia, nên đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bà Ngô Thị Ngh trình bày: thửa đất 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V có nguồn gốc của gia đình ông bà, không phải là đất nhận chuyển nhượng như chị N trình bày. Khi anh Ph, chị N làm nhà ông bà có đưa cho anh chị 28.000.000đồng, nhưng nay ông bà vẫn ở trên ngôi nhà đó nên không có yêu cầu gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định pháp luật; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Ph, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, sửa một phần bản án bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh Tạ Tuấn Ph được nộp trong thời hạn quy định của pháp luật và nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại Điều 271; Điều 272; Điều 273; Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6; Điều 27; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B trong thời hạn luật định. Do đó, kháng cáo của anh Tạ Tuấn Ph là hợp lệ và HĐXX chấp nhận xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn Ph1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt ông Ph1 theo quy định tại Khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét đề nghị hủy án sơ thẩm vì xét xử trong thời gian có lệnh giãn cách xã hội của Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn vắng mặt không có lý do, Công văn của Tòa án nhân dân tối cao cũng không yêu cầu phải ngừng xét xử các vụ án đến thời hạn chuẩn bị xét xử nên không có căn cứ hủy án sơ thẩm như đề nghị của phía bị đơn.

[3.2]. Xét nội dung kháng cáo của anh Tạ Tuấn Ph về việc đề nghị Tòa án xác định thửa đất số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn xã Hoàng V là tài sản riêng của anh, chị N không có công sức đóng góp gì. Đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 3, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V là tài sản riêng của anh, chị N không chứng minh được số tiền bỏ ra mua đất, Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 3, diện tích 360,2m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 20/9/2011 giữa ông Nguyễn Văn Sê, bà Tạ Thị Cảnh và anh Ph, chị N nhận chuyển nhượng 213m² đất tại thôn Vạn Thạch đều có tên anh Ph, chị N. Diện tích còn lại các đương sự đều trình bày do ông Ph1, bà Ngh tặng cho và vợ chồng tân tạo thêm; đồng thời các tài sản gắn liền đất là nhà ở thôn Vạn Thạch xây dựng năm 2012. Thửa đất này các bên đều thừa nhận một phần diện tích là của ông Ph1, bà Ngh. Bà Ngh xác định chưa hề cho anh Ph, chị N phần diện tích đất này. Tuy nhiên, không có căn cứ ông Ph1, bà Ngh chưa cho vì năm 2008 ông, bà đã cho anh chị ra ở riêng trên diện tích đất ruộng này, năm 2011 anh Ph, chị N nhận chuyển nhượng 213m² và đến năm 2012 thì anh Ph, chị N xây nhà ông bà biết nhưng không phản đối và ra ở cùng với anh Ph từ đó cho đến nay. Năm 2012, ông bà đã đồng ý cho anh Ph đứng ra kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất. Do vậy, có căn cứ áp dụng Án lệ số 03/2016 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao xác định toàn bộ thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,8m² là tài sản chung của anh Ph, chị N.

Đối với nhà và đất tại thôn Liễu Ngạn xây dựng năm 2017, xe ô tô đều được tạo lập do việc lao động sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ anh Ph và chị N đã kết hôn và chung sống với nhau. Anh Ph và chị N không có thỏa thuận gì về tài sản riêng của từng người. Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 384030, ngày 02/8/ 2017 của UBND huyện H chứng nhận quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn xã Hoàng V đều có tên anh Ph, chị N. Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V trên thửa đất có

ngôi nhà cấp 4 và thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V và tài sản gắn liền là nhà 3 tầng và xe ô tô đều là tài sản chung của vợ chồng anh Ph, chị N theo quy định tại Điều 33- Luật hôn nhân và gia đình là có căn cứ.

Hiện nay, chị N đang sinh sống cùng con chung là cháu Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/2002 tại nhà đất ở thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V. Anh Ph đang sinh sống cùng bố mẹ là ông Ph1, bà Ngh và con chung Tạ Trọng L, sinh ngày 07/6/2005 tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V nên cần giữ nguyên hiện trạng để đảm bảo sự ổn định về chỗ ở, đảm bảo sự phát triển tốt nhất của các con. Do vậy, cần giao anh Ph tiếp tục sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 287,7m² tại thôn Vạn Thạch và tiền bán xe ô tô, giao chị N sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn xã Hoàng V nhưng các đương sự phải trích chia tiền chênh lệch.

Về tiền phường: Anh Ph và chị N đều trình bày chị N đã lấy 180.000.000 đồng tiền phường, chị N cũng đồng ý tính vào tài sản chung của vợ chồng, do vậy cần chấp nhận ý kiến của anh Ph xác định 180.000.000 đồng trên là tài sản chung của chị N và anh Ph.

[3.3]. Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh đề nghị sửa phần giải quyết về tài sản, Hội đồng xét xử xét thấy:

Chị N trình bày, chị và anh Ph có tài sản là quyền sử dụng đất ở tại thôn Vạn Thạch có tổng diện tích khoảng 400m². Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện H cấp, nhưng do chúng tôi chưa nộp tiền chuyển mục đích sử dụng (140.000.000 đồng) nên chưa được lấy về.

Tại biên bản định giá ngày 15/11/2019; ngày 09/3/2019 thể hiện Hội đồng định giá đã định giá tài sản ở thôn Vạn Thạch trong đó có tài sản là thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m², được định giá 1.800.000 đồng/m². Nhưng theo sơ đồ do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo vẽ ngày 26/12/2019 ban hành kèm theo bản án lại thể hiện thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 có tổng diện tích 360,2m²

Việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị N và anh Ph có tài sản chung là thửa đất số 436, tờ bản đồ số 33, diện tích 360,2m² x 1.800.000 đồng = 638.360.000 đồng (gồm cả 81,5m² đất hành lang giao thông và tiền chuyển mục đích sử dụng đất chưa nộp) và giải quyết phân chia cho anh Ph được sử dụng diện tích đất này là chưa chính xác.

Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chị N phải trả chênh lệch tài sản cho anh Ph 300.000.000 đồng nhưng tại phần quyết định của bản án lại không quyết định tuyên lỗi suất chậm thi hành án theo hướng dẫn tại Điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là chưa chính xác. Cần rút kinh nghiệm về nội dung này.

Theo thông báo số 265/TB-UBND ngày 05/6/2019 của Ủy ban nhân dân huyện H, biên bản xác minh ngày 28/4/2020 với ông Tạ Văn Chúc, Phó chủ tịch UBND xã Hoàng V và bà Nguyễn Thị Vân, cán bộ địa chính xã Hoàng V; trích đo

thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, xã Hoàng V thể hiện: Ngày 31/3/2013, Ủy ban nhân dân huyện H đã cấp GCNQSD đất số BQ 817017 thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m², địa chỉ thửa đất: thôn Vạn Thạch cho ông Phương, yêu cầu ông Phương hoàn thành nghĩa vụ tài chính để được nhận GCNQSDĐ. Nhưng đến nay ông Phương chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính nên chưa được nhận GCNQSDĐ. Việc chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/12/2019 xác định thửa đất 346, tờ bản đồ số 33 có diện tích 360,2m² là do đo vẽ gồm cả 81,5m² đất hành lang giao thông.

Như vậy, có căn cứ để xác định anh Ph, chị N đang quản lý sử dụng 278,7m² ở thôn Vạn Thạch, nhưng chưa nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất nên chưa được nhận giấy CNQSDĐ. Khi giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm không thu thập hồ sơ cấp giấy CNQSDĐ cho chị N, anh Ph tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm căn cứ giải quyết vụ án. Diện tích 360,2m² ở thôn Vạn Thạch bao gồm cả 81,5m² đất hành lang giao thông, tính cả giá trị của phần đất hành lang này là không đúng quy định.

Ngày 31/7/2020, Tòa án nhân dân tỉnh B có Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ đối với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện H. Về việc cung cấp hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33 tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V, huyện H, tỉnh B và hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất (nếu có).

Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh Tạ Tuấn Ph thể hiện: Anh Ph được cấp 278,7m², thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, nhưng chưa nộp tiền sử dụng đất. Chi cục thuế huyện H xác định hộ ông Phương còn nợ tổng số tiền sử dụng đất là 140.097.000đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N đồng ý vợ chồng còn nghĩa vụ đối với nhà nước số tiền này.

Do Tòa án cấp sơ thẩm tính chưa đúng nên giá trị các tài sản chung được tính lại như sau:

- Đối với thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m² tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V có trị giá: $278,7\text{m}^2 \times 1.800.000\text{đồng}/1\text{m}^2 = 501.660.000\text{đồng}$ – 140.097.000đồng tiền sử dụng đất = 361. 563.000đồng; 01 nhà 03 tầng trị giá 275.000.000đồng. Tổng cộng là 636.563.000đồng.

- Đối với quyền sử dụng thửa đất số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V. Trị giá: 1.500.000.000đồng, 01 nhà cấp 4, khung sắt lợp tôn trị giá 210.000.000đồng, Tổng cộng: 1.710.000.000đồng.

Về công sức đóng góp vào tài sản chung: Do anh Ph, chị N đều cùng lao động sản xuất, kinh doanh bằng nghề làm giò chả, làm thêm ruộng. Ngoài ra, không có thu nhập gì khác. Do vậy, công sức đóng góp vào tài sản chung là ngang nhau theo quy định tại Điều 29 Luật hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, các đương sự đều trình bày vợ chồng anh Ph, chị N mua của ông Sê, bà Cảnh 213m² đất, diện tích còn lại do ông Ph1, bà Ngh là bố mẹ của anh Ph tặng cho nên cần xem xét đối với công sức của anh Ph, nhưng cũng cần tính tới các yếu tố hoàn cảnh của chị N là

phụ nữ, đồng thời phải tạo dựng nơi sinh sống mới và nuôi dưỡng con là Tạ Thị Thu Ng ăn học nên việc trích chia tài sản chung cần xem xét ưu tiên theo quy định tại Điều 59- Luật hôn nhân và gia đình. Đồng thời, việc chia tài sản chung cần phải bảo đảm lợi ích của mỗi bên trong việc sản xuất kinh doanh để các bên có điều kiện tiếp tục lao động, tạo thu nhập.

Hội đồng xét xử xét thấy, cần giao anh Ph tiếp tục sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m² và tài sản gắn liền là nhà 2 tầng tại thôn Vạn Thạch trị giá 636.563.000đồng và tiền bán xe ô tô là 420.000.000đồng, tổng trị giá 1.056.563.000đồng. Giao chị N sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² và tài sản gắn liền tại thôn Liễu Ngạn xã Hoàng V, trị giá 1.710.000.000đồng và 180.000.000 đồng tiền phường, tổng là 1.890.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản của anh Ph, chị N là: 2.946.563.000đồng : 2 = 1.473.281.500 đồng.

Vậy số tiền chênh lệch giá trị tài sản chị N phải trả cho anh Ph là 416.718.500 đồng.

Tuy nhiên, xét thấy nhà của chị N được giao là nhà khung sắt lợp tôn, là quán bán hàng. Nhà giao anh Ph là nhà 3 tầng kiên cố. Cháu Ngỏ với chị N vừa đỗ đại học, chị N trình bày đã sử dụng 180.000.000đồng tiền phường vào việc nuôi 02 con ăn học và chi vào việc tổ chức đám cưới, mua của hồi môn cho con chung Tạ Thị Thu Ng1 năm 2019. Tuy chị N không kháng cáo nhưng chia ưu tiên cho chị N một phần về tài sản đối với anh Ph để chị N có điều kiện tạo lập chỗ ở mới, ổn định cuộc sống và có điều kiện chăm lo cho cháu Nghọc đại học, như trình bày của chị N tại phiên tòa là có căn cứ. Vì vậy, cần buộc chị N phải trích chia cho anh Ph số tiền 350.000.000đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) là phù hợp, đảm bảo nguyên tắc bảo vệ quyền lợi của phụ nữ khi ly hôn

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Tạ Văn Ph1, bà Ngô Thị Ngh, chị Tạ Thị Thu Ng1, Tạ Thị Ngọc, anh Tạ Trọng L đều không yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

Về công nợ: Tại phiên tòa ngày 17/02/2020, anh Ph và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho anh Ph yêu cầu đưa tiền vay xây nhà vào nợ chung của vợ chồng. Tuy nhiên, tại phiên họp công khai chứng cứ ngày 16/10/2019 anh Ph và người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho anh Ph vắng mặt không lý do, từ thời gian trên đến khi Tòa án ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử anh Ph không yêu cầu gì khác ngoài tài sản chung của vợ chồng, do tòa cấp sơ thẩm chưa giải quyết nên cấp phúc thẩm không thể xem xét được. Trường hợp sau này anh Ph có yêu cầu thì khởi kiện bằng vụ án khác.

[4]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Anh Ph và chị N đều phải chịu theo quy định pháp luật. Chị N tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá ngày 19/ 12/ 2019, anh Ph phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá lại ngày 09/3/2020.

Tòa án cấp sơ thẩm đã thu tạm ứng chi phí tố tụng của anh Ph số tiền 2.000.000đồng, chi phí hết 1.000.000đồng nhưng không thanh toán cho anh Ph

trước khi xét xử mà vẫn lưu 1.000.000đồng trong hồ sơ và tuyên trả anh Ph 1.000.000đồng là không đúng quy định.

Tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã lập biên bản trả lại cho anh Ph số tiền 1.000.000đồng này theo Biên bản ngày 01/9/2020. Nên số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đối với anh Ph đã được giải quyết xong, cần sửa án sơ thẩm về nội dung này.

Từ nhận định, phân tích trên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Tạ Tuấn Ph, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Sửa bản án sơ thẩm về phần chia tài sản chung, chi phí tố tụng, án phí và về phần tuyên lãi suất chậm thi hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Tạ Tuấn Ph, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Sửa bản án sơ thẩm. Xử:

Căn cứ các điều 33, khoản 2 Điều 59, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 - Luật hôn nhân gia đình. Điều 95, Điều 97, Điều 107, Điều 109 Luật đất đai 2013. Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điều 26 và 27 Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Thị N được ly hôn anh Tạ Tuấn Ph (Tạ Văn Ph).

[2]. Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Thị Thu Ng, sinh ngày 01/5/2002; giao anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng con chung Tạ Trọng L, sinh ngày 07/6/2005. Anh Ph, chị N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5, Điều 84- Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Cấp dưỡng nuôi con: Anh Ph, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Xác định quyền sử dụng thửa đất số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m² và tài sản gắn liền là nhà 3 tầng tại thôn Vạn Thạch, xã Hoàng V và thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V và tài sản gắn liền là nhà cấp 4 lợp tôn; tiền bán xe ô tô 420.000.000 đồng, tiền phò 180.000.000 đồng. Tổng giá trị bằng tiền là: 2.946.563.000 đồng là tài sản chung của anh Ph, chị N.

Giao anh Ph quyền sử dụng thửa số 346, tờ bản đồ số 33, diện tích 278,7m² và toàn bộ tài sản gắn liền đất tại thôn Vạn Thạch (Ký hiệu thửa đất là ABCDEFGN, trong đó cạnh AB giáp đường liên xã dài 13,49m; cạnh BCD dài 22,89m + 5,74m; cạnh DEF dài 7,32m + 5,18m + 0,08m; cạnh FG dài 5,59m; cạnh GNA dài 5,43m + 6,26m + 2,93m + 2,33m + 4,53m + 3,14m + 1,51m). có sơ đồ thửa đất kèm theo) và 420.000.000 đồng tiền bán xe ô tô, tổng trị giá tổng trị giá 1.056.563.000 đồng.

Buộc anh Tạ Tuấn Ph (Tạ Văn Ph) phải nộp số tiền sử dụng đất 140.097.000 đồng tại Chi cục thuế huyện H.

Giao chị Ngô Thị N quyền sử dụng thửa số 230, tờ bản đồ số 44, diện tích 96,6m² đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CI 384030 ngày 02/8/2017 mang tên hộ ông Tạ Tuấn Ph, bà Ngô Thị N và tài sản gắn liền đất là nhà cấp 4 khung sắt lợp tôn tại thôn Liễu Ngạn, xã Hoàng V, huyện Hiệp Hoà, tỉnh B (Có đặc điểm sơ đồ như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên), trị giá 1.710.000.000 đồng và 180.000.000 đồng tiền phường, nhưng buộc chị N phải trích chia giá trị chênh lệch tài sản chung cho anh Ph là 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

[4]. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản: Chị N tự nguyện chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản ngày 19/12/2019 nên không xem xét. Anh Ph phải chịu 1.000.000 đồng chi phí định giá ngày 09/3/2020. Xác nhận anh Ph đã thi hành xong chi phí thẩm định, định giá tài sản.

[5]. Án phí:

[5.1]. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc chị Ngô Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 58.200.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ 24.750.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai thu tiền số AA/2017/0000077, ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. Chị N còn phải chịu 33.450.000 đồng (Ba mươi ba triệu, bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc anh Tạ Tuấn Ph (Tạ Văn Ph) phải chịu 54.196.890 đồng (Năm mươi tư triệu, một trăm chín sáu nghìn, tám trăm chín mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[5.2]. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ph, chị N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[6]. Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9- Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30- Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh B;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà